

## **Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# **Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46

# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 16 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	
Ông Alain Xavier Cany	Phó chủ tịch	
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên độc lập	từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập	
Ông Mark Andrew Hutchinson	Thành viên độc lập	bỏ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Huỳnh Thanh Hải.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12.3 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 11605564/E-22986368/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.446.776.445.827</b>	<b>1.531.192.447.001</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>574.508.713.278</b>	<b>668.995.881.369</b>
111	1. Tiền		18.408.713.278	29.195.881.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		556.100.000.000	639.800.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>12</b>	<b>516.055.170.742</b>	<b>325.711.646.558</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		119.680.810.541	72.553.500.561
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(325.639.799)	(293.908.798)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		396.700.000.000	253.452.054.795
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>305.731.941.017</b>	<b>472.867.175.245</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	69.085.386.008	69.233.375.145
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16.354.066.753	23.968.036.452
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	50.000.000.000	133.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	170.292.488.256	246.665.763.648
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>50.480.620.790</b>	<b>63.617.743.829</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.396.027.751	2.374.746.441
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		48.084.593.039	61.242.997.388
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.954.685.605.536</b>	<b>12.914.296.975.980</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>2.000.534.867.716</b>	<b>2.052.271.442.194</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.993.490.495.285	2.045.014.960.895
222	Nguyên giá		2.077.890.948.073	2.075.138.498.789
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(84.400.452.788)	(30.123.537.894)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	7.044.372.431	7.256.481.299
228	Nguyên giá		12.054.448.449	12.054.448.449
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.010.076.018)	(4.797.967.150)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>698.963.386.825</b>	<b>725.934.542.073</b>
231	1. Nguyên giá		1.433.994.888.313	1.433.994.888.313
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(735.031.501.488)	(708.060.346.240)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>215.267.392.570</b>	<b>99.386.279.325</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	215.267.392.570	99.386.279.325
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>9.981.771.605.000</b>	<b>9.971.771.605.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.291.771.605.000	9.281.771.605.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		690.000.000.000	690.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>58.148.353.425</b>	<b>64.933.107.388</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	57.967.773.697	62.534.898.208
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	180.579.728	2.398.209.180
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.401.462.051.363</b>	<b>14.445.489.422.981</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.446.798.998.023</b>	<b>4.563.016.977.921</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>582.555.235.677</b>	<b>723.214.192.509</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	42.737.104.926	16.404.245.752
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.161.396.418	2.168.296.448
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.188.572.813	14.893.738.260
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	87.498.873.663	234.206.613.303
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.804.182.295	1.670.313.750
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	66.450.819.848	93.156.699.282
320	7. Vay ngắn hạn	18	360.714.285.714	360.714.285.714
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.864.243.762.346</b>	<b>3.839.802.785.412</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	164.411.544.772	162.388.638.635
338	2. Vay dài hạn	18	3.699.832.217.574	3.677.414.146.777
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.954.663.053.340</b>	<b>9.882.472.445.060</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>9.954.663.053.340</b>	<b>9.882.472.445.060</b>
411	1. Vốn cổ phần		3.564.104.840.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.564.104.840.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(47.622.230.162)	(47.622.230.162)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.186.967.621.464	5.578.293.443.184
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.805.726.087.184	4.775.623.066.621
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		381.241.534.280	802.670.376.563
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.401.462.051.363</b>	<b>14.445.489.422.981</b>



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế toán trưởng



  
Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	20.1	545.240.468.356	342.445.318.128
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(140.837.641.870)	(86.776.157.772)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		404.402.826.486	255.669.160.356
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	208.155.504.584	370.579.760.832
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	(161.082.351.526) (157.969.194.946)	(133.113.077.750) (129.276.678.234)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(34.576.955.261)	(33.088.134.560)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		416.899.024.283	460.047.708.878
31	8. Thu nhập khác	24	2.544.313.144	3.451.438.744
32	9. Chi phí khác	24	-	(763.273.644)
40	10. Lợi nhuận khác	24	2.544.313.144	2.688.165.100
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		419.443.337.427	462.735.873.978
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(35.984.173.695)	(41.732.995.769)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(2.217.629.452)	(1.798.088.972)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		381.241.534.280	419.204.789.237



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập



Hồ Trần Diệu Lynh  
Kế toán trưởng




Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>419.443.337.427</b>	<b>462.735.873.978</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8,9,10	81.460.179.010	33.320.019.421
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		31.731.001	(186.762.000)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		122.044.630	33.696.041
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(205.586.502.899)	(303.360.685.801)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	22	160.676.051.350	131.983.534.638
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>456.146.840.519</b>	<b>324.525.676.277</b>
09	Giảm các khoản phải thu		38.840.884.938	2.257.142.080
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(138.952.077.270)	1.018.725.459
12	Giảm chi phí trả trước		4.567.124.511	3.478.859.984
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(47.127.309.980)	344.813.110.562
14	Tiền lãi vay đã trả		(160.091.078.007)	(132.150.277.501)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.813.737.338)	(12.616.037.998)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>121.570.647.373</b>	<b>531.327.198.863</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(114.921.070.262)	(207.298.043.886)
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và cho vay		(267.890.386.974)	(351.000.000.000)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn và thu hồi cho vay		207.642.441.769	364.600.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.579.995)	(151.606.368.737)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.983.826	290.047.599.011
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		255.141.298.669	153.677.183.078
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>70.267.687.033</b>	<b>98.420.369.466</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	75.068.357.250	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(55.357.142.857)	(99.802.142.857)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.3	(306.041.313.190)	(146.506.890)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(286.330.098.797)</b>	<b>(99.948.649.747)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(94.491.764.391)	529.798.918.582
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		668.995.881.369	172.190.983.641
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.596.300	(58.887.217)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	574.508.713.278	701.931.015.006



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập



Hồ Trần Diệu Lynh  
Kế toán trưởng




Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKKD") số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo GCNĐKKD điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 16 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản. và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 43 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 51 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12.3 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng và được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 8 năm 2007.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao hoặc hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

• *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

• *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

*Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu*

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	19.667.400	10.875.810
Tiền gửi ngân hàng	18.389.045.878	29.185.005.559
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>556.100.000.000</u>	<u>639.800.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>574.508.713.278</u></b>	<b><u>668.995.881.369</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 2,9%/năm đến 4,0%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Mua Bán Điện	48.963.689.780	51.256.185.014
Khách hàng khác	<u>20.121.696.228</u>	<u>17.977.190.131</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>69.085.386.008</u></b>	<b><u>69.233.375.145</u></b>
Trong đó:		
<i>Phải thu các bên khác</i>	65.406.366.825	68.537.991.225
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	3.679.019.183	695.383.920

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho bên khác	14.978.666.753	22.592.636.452
<i>Công ty TNHH Bachy Soletanche Việt Nam</i>	-	8.605.724.043
<i>Khác</i>	14.978.666.753	13.986.912.409
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>1.375.400.000</u>	<u>1.375.400.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.354.066.753</u></b>	<b><u>23.968.036.452</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu cổ tức	113.796.860.570	170.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	23.063.412.455	16.711.052.621
Tạm ứng đầu tư dự án (*)	18.711.755.270	15.677.863.275
Phải thu doanh thu từ dịch vụ	14.693.641.779	43.011.813.529
Phải thu khác	<u>26.818.182</u>	<u>1.265.034.223</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>170.292.488.256</u></b>	<b><u>246.665.763.648</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>125.525.216.447</i>	<i>183.813.561.475</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>44.767.271.809</i>	<i>62.852.202.173</i>

(\*) Đây là các khoản tạm ứng đầu tư dự án của Công ty. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	21.649.662.939	91.645.258.071	1.354.991.931	1.946.846.917.334	13.641.668.514	2.075.138.498.789
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.964.834.245	-	750.078.675	-	-	2.714.912.920
Mua trong kỳ	-	-	37.536.364	-	-	37.536.364
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	23.614.497.184	91.645.258.071	2.142.606.970	1.946.846.917.334	13.641.668.514	2.077.890.948.073
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	5.495.528.463	598.858.749	-	-	6.094.387.212
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	11.879.899.666	78.861.973.698	-	1.946.846.917.334	13.641.668.514	2.051.230.459.212
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.125.942.445	7.772.666.254	1.082.585.440	16.403.420.050	738.923.705	30.123.537.894
Khấu hao trong kỳ	1.383.131.280	3.337.368.054	176.786.150	49.038.587.700	341.041.710	54.276.914.894
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	5.509.073.725	11.110.034.308	1.259.371.590	65.442.007.750	1.079.965.415	84.400.452.788
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	17.523.720.494	83.872.591.817	272.406.491	1.930.443.497.284	12.902.744.809	2.045.014.960.895
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	18.105.423.459	80.535.223.763	883.235.380	1.881.404.909.584	12.561.703.099	1.993.490.495.285



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	11.592.038.449	462.410.000	12.054.448.449
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	155.760.000	155.760.000
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	135.576.000	-	135.576.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.460.305.438	337.661.712	4.797.967.150
Hao mòn trong kỳ	161.000.532	51.108.336	212.108.868
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	4.621.305.970	388.770.048	5.010.076.018
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	7.131.733.011	124.748.288	7.256.481.299
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	6.970.732.479	73.639.952	7.044.372.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Khác	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.048.412.233.942	385.036.201.370	546.453.001	1.433.994.888.313
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	92.757.199.637	233.785.237.644	546.453.001	327.088.890.282
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	502.890.080.889	133.455.170.948	-	636.345.251.837
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	439.415.126.274	268.098.766.965	546.453.001	708.060.346.240
Khấu hao trong kỳ	19.320.021.084	7.651.134.164	-	26.971.155.248
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>458.735.147.358</u>	<u>275.749.901.129</u>	<u>546.453.001</u>	<u>735.031.501.488</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>608.997.107.668</u>	<u>116.937.434.405</u>	-	<u>725.934.542.073</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>589.677.086.584</u>	<u>109.286.300.241</u>	-	<u>698.963.386.825</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí dự án văn phòng cho thuê	205.455.296.449	92.204.733.421
Khác	9.812.096.121	7.181.545.904
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>215.267.392.570</u></b>	<b><u>99.386.279.325</u></b>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 12.1)	119.680.810.541	72.553.500.561
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 12.1)	(325.639.799)	(293.908.798)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.2)	396.700.000.000	253.452.054.795
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>516.055.170.742</u></b>	<b><u>325.711.646.558</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.3)	9.291.771.605.000	9.281.771.605.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.2)	690.000.000.000	690.000.000.000
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>9.981.771.605.000</u></b>	<b><u>9.971.771.605.000</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.497.826.775.742</u></b>	<b><u>10.297.483.251.558</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**12.1 Chứng khoán kinh doanh**

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (*)	50.543.759.250	-	50.543.759.250	-	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	45.901.700.488	-	65.672.848.000	49.318.149.758	-	83.791.007.000	
Các khoản đầu tư khác	23.235.350.803	(325.639.799)	22.909.711.004	23.235.350.803	(293.908.798)	22.941.442.005	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.680.810.541</b>	<b>(325.639.799)</b>	<b>139.126.318.254</b>	<b>72.553.500.561</b>	<b>(293.908.798)</b>	<b>106.732.449.005</b>	

(\*) Chi tiết trái phiếu BONDMASAN032023 vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày như sau:

Tổ chức tư vấn niêm yết	Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
		VND		%/năm		
Công ty Cổ phần quản lý Kỹ Thương (TCBS)	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	50.543.759.250	Ngày 12 tháng 5 năm 2023	2 kỳ đầu, lãi suất 10, Các kỳ sau: Lãi suất thả nổi (3,2) + Lãi suất tham chiếu	Cấp khoản vay cho công ty con của tổ chức phát hành	Tin chấp

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý 305.500 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh ("QTP"), qua đó tỉ lệ sở hữu tại QTP giảm từ 0,98% xuống 0,91%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>396.700.000.000</b>	<b>253.452.054.795</b>
Tiền gửi ngân hàng và tổ chức tín dụng (*) HPXH2122011_BOND	396.700.000.000 -	203.452.054.795 50.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>690.000.000.000</b>	<b>690.000.000.000</b>
VSH_BOND_2019 (**)	460.000.000.000	460.000.000.000
TCSCH_BOND_2021 (**)	100.000.000.000	100.000.000.000
VCIH_BOND_2021 (**)	100.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.086.700.000.000</u></b>	<b><u>943.452.054.795</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười ba (13) tháng và thời hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng, hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 4,0%/năm đến 6,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn** (tiếp theo)

(\*\*) Chi tiết trái phiếu dài hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 với lãi suất tương ứng từ 6,3% đến 9,1% được trình bày như sau:

<i>Đại lý phát hành</i>	<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
		VND			
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCBS")	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH") (Thuyết minh số 27)	460.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 10 năm 2022 đến ngày 27 tháng 12 năm 2026	Tài trợ cho Dự án Thủy điện Thượng Kom Tum	Toàn bộ công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	100.000.000.000	Ngày 16 tháng 7 năm 2023	-	Tín chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100.000.000.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2023	-	Tín chấp



## Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.3 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	(%)	VND	(%)	VND		
Công ty TNHH Năng lượng REE	100,00	6.349.500.580.000	100,00	6.349.500.580.000	TP HCM - Việt Nam	Điện
Công ty TNHH Nước sạch REE	100,00	1.630.000.000.000	100,00	1.630.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty TNHH Bất động sản REE	100,00	913.481.172.000	100,00	913.481.172.000	TP HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	91,06	149.997.353.000	91,06	149.997.353.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	99,99	149.992.500.000	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	100,00	82.800.000.000	100,00	82.800.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện
Công ty TNHH REE Digital	100,00	10.000.000.000	-	-	TP HCM - Việt Nam	Công nghệ số
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	100,00	6.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Công ty TNHH Điện Gió REE Trà Vinh	100,00	-	-	-	Trà Vinh - Việt Nam	Điện gió
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>9.291.771.605.000</u></b>		<b><u>9.281.771.605.000</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí chia sẻ cơ sở hạ tầng tại Nhà máy điện gió Trà Vinh số 3	53.738.737.605	55.128.532.545
Chi phí sửa chữa và cải tạo	1.919.621.805	4.050.822.110
Chi phí khác	2.309.414.287	3.355.543.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.967.773.697</u></b>	<b><u>62.534.898.208</u></b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Vestas Asia Pacific A/S	23.987.103.820	-
Khác	4.502.393.189	9.942.940.768
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	14.247.607.917	6.461.304.984
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.737.104.926</u></b>	<b><u>16.404.245.752</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế giá trị gia tăng	769.977.469	55.124.833.778	(55.894.811.247)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.624.418.630	35.984.173.695	(31.813.737.338)	17.794.854.987
Thuế thu nhập cá nhân	499.342.161	15.048.491.575	(15.154.115.910)	393.717.826
Khác	-	8.338.518.157	(8.338.518.157)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.893.738.260</u></b>	<b><u>114.496.017.205</u></b>	<b><u>(111.201.182.652)</u></b>	<b><u>18.188.572.813</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí lãi vay	82.240.782.670	84.341.384.421
Chi phí xây dựng	4.340.943.166	146.303.105.444
Chi phí khác	917.147.827	3.562.123.438
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>87.498.873.663</u></b>	<b><u>234.206.613.303</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>66.450.819.848</b>	<b>93.156.699.282</b>
Cổ tức phải trả	53.015.849.666	50.006.236.856
Nhận chuyển nhượng cổ phần	7.249.259.000	7.249.838.995
Chi phí dịch vụ quản lý	4.602.156.992	9.716.416.870
Thưởng nhân viên	-	25.039.522.000
Các khoản phải trả khác	1.583.554.190	1.144.684.561
<b>Dài hạn</b>	<b>164.411.544.772</b>	<b>162.388.638.635</b>
Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng	164.411.544.772	162.388.638.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>230.862.364.620</u></b>	<b><u>255.545.337.917</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	226.260.207.628	245.828.921.047
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	4.602.156.992	9.716.416.870



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân loại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>360.714.285.714</b>	-	<b>(55.357.142.857)</b>	<b>55.357.142.857</b>	-	<b>360.714.285.714</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18.1)	110.714.285.714	-	(55.357.142.857)	55.357.142.857	-	110.714.285.714
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.677.414.146.777</b>	<b>75.068.357.250</b>	-	<b>(55.357.142.857)</b>	<b>2.706.856.404</b>	<b>3.699.832.217.574</b>
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 18.1)	1.387.410.136.423	75.068.357.250	-	(55.357.142.857)	-	1.407.121.350.816
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 18.2)	2.290.004.010.354	-	-	-	2.706.856.404	2.292.710.866.758
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.038.128.432.491</b>	<b>75.068.357.250</b>	<b>(55.357.142.857)</b>	<b>-</b>	<b>2.706.856.404</b>	<b>4.060.546.503.288</b>

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng và trái phiếu thường trong nước chịu lãi suất tương ứng từ 6,15%/năm đến 8,09%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.1 Vay dài hạn từ ngân hàng**

Chi tiết vay ngân hàng dài hạn thể hiện như sau:

Khoản tín dụng số	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Mô tả tài sản thế chấp
	VND		

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

0094/2038/D-DA/01	1.217.140.557.250	Ngày 20 tháng 9 năm 2033	Toàn bộ tài sản, máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Trà Vinh V1-3
			Quyền tài sản phát sinh từ dự án

**Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam**

VNM170276CM	176.785.714.285	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2022 đến ngày 24 tháng 7 năm 2024	Quyền sử dụng đất, tòa nhà và khoản thu từ cho thuê tại Tòa nhà REE, Số 9 Đường Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà REE")
-------------	-----------------	--	--

**Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam**

SHBVN/BC/HDTD/REE/201805	123.909.364.995	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 đến ngày 8 tháng 5 năm 2026	Tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
--------------------------	-----------------	---	--

**TỔNG CỘNG** 1.517.835.636.530

<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn	1.407.121.350.816
Vay dài hạn đến hạn trả	110.714.285.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Trái phiếu thường trong nước**

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày như sau:

<i>Chi tiết trái phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
	<i>VND</i>
REE-BOND 2029 (i)	2.318.000.000.000
REEBOND 2017 (ii)	250.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(46.217.128.070)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	20.927.994.828
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.542.710.866.758</u></b>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	<i>2.292.710.866.758</i>
<i>Trái phiếu đến hạn trả</i>	<i>250.000.000.000</i>

- (i) Vào ngày 28 tháng 1 năm 2019, Công ty đã phát hành 2.318 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 2.318 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau mười (10) năm kể từ ngày phát hành và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để (1) Phát triển các dự án bất động sản văn phòng cho thuê trên quỹ đất hiện hữu (khu văn phòng Etown) ở Thành phố Hồ Chí Minh; (2) thanh toán tiền sử dụng đất, mua đất, phát triển thêm quỹ đất nhưng không dùng cho mục đích phát triển quỹ đất ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 38.365.168 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà, 32.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Ba Hạ và 24.932.630 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Mường Hum thuộc sở hữu của Công ty TNHH Năng lượng REE.

- (ii) Vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm bằng tài sản với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành.

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau :

- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để (1) Đầu tư các dự án của Công ty; (2) tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 35.525.776 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty TNHH Năng lượng REE.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>						
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	4.775.623.066.621	9.079.802.068.497
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	419.204.789.237	419.204.789.237
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>3.100.588.410.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(47.622.230.162)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>5.194.827.855.858</u>	<u>9.499.006.857.734</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	5.578.293.443.184	9.882.472.445.060
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	463.516.430.000	-	-	-	(463.516.430.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	381.241.534.280	381.241.534.280
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	(309.050.926.000)	(309.050.926.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>3.564.104.840.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(47.622.230.162)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>5.186.967.621.464</u>	<u>9.954.663.053.340</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/ĐHĐCĐ-NQ ngày 31 tháng 3 năm 2022, cổ đông của Công ty đã thông qua việc chia cổ tức 25% cho năm 2021 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó chi trả cổ tức 10% bằng tiền và 15% bằng cổ phiếu. Theo đó, vào ngày 25 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKDN lần thứ 27 vào ngày 16 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	356.410.484	310.058.841
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	356.410.484	310.058.841
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.007.915)	(1.007.915)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	355.402.569	309.050.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**19.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ	3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	463.516.430.000	-
Số cuối kỳ	3.564.104.840.000	3.100.588.410.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	772.567.356.000	-
Cổ tức đã trả trong kỳ	306.041.313.190	146.506.890

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Doanh thu gộp và doanh thu thuần</b>	<b>545.240.468.356</b>	<b>342.445.318.128</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan	360.592.252.875	342.445.318.128
Doanh thu bán điện	184.648.215.481	-
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên khác	520.853.546.634	318.551.924.477
Doanh thu đối với các bên liên quan	24.386.921.722	23.893.393.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU** (tiếp theo)

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Cổ tức được nhận	149.696.497.972	250.290.939.782
Lãi tiền gửi	55.594.021.101	51.203.424.384
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	2.798.687.313	69.084.086.945
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	66.298.198	1.309.721
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>208.155.504.584</u></b>	<b><u>370.579.760.832</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê (văn phòng và các dịch vụ có liên quan)	79.737.103.013	86.776.157.772
Giá vốn bán điện	61.100.538.857	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>140.837.641.870</u></b>	<b><u>86.776.157.772</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	160.676.051.350	131.983.534.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	254.003.506	132.132.889
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính	31.731.001	(186.762.000)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	10.189.517	641.472.374
Khác	110.376.152	542.699.849
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>161.082.351.526</u></b>	<b><u>133.113.077.750</u></b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhân viên	14.627.667.374	18.682.807.622
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.972.626.528	7.219.376.924
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.806.800.584	2.778.266.681
Chi phí khác	8.169.860.775	4.407.683.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.576.955.261</u></b>	<b><u>33.088.134.560</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.544.313.144</b>	<b>3.451.438.744</b>
Thu từ đền bù hợp đồng	2.385.031.188	25.527.273
Thu nhập phí quản lý	158.981.956	3.298.638.744
Khác	300.000	127.272.727
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>(763.273.644)</b>
Khác	-	(763.273.644)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>2.544.313.144</b>	<b>2.688.165.100</b>

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn	81.460.179.010	33.320.019.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.902.653.072	62.636.873.431
Chi phí nhân viên	14.627.667.374	18.682.807.622
Chi phí khác	9.424.097.675	5.224.591.858
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>175.414.597.131</b>	<b>119.864.292.332</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2021) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo (từ 2025) đối với doanh thu bán điện phát sinh từ dự án Nhà máy điện gió Trà Vinh số 3.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.984.173.695	41.732.995.769
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.217.629.452	1.798.088.972
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.201.803.147</b>	<b>43.531.084.741</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>419.443.337.427</b>	<b>462.735.873.978</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	83.888.667.485	92.547.174.796
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thu nhập cố tức không chịu thuế TNDN	(29.939.299.594)	(50.058.187.956)
Các khoản chi phí không được trừ	486.800.000	414.466.173
Miễn thuế	(16.234.364.744)	-
Khác	-	627.631.728
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>38.201.803.147</b>	<b>43.531.084.741</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**26.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.266.800	2.200.692.500	(2.194.425.700)	(1.806.131.136)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(919.260)	22.284.492	(23.203.752)	8.042.164
Khác	175.232.188	175.232.188	-	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>180.579.728</b>	<b>2.398.209.180</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(2.217.629.452)</b>	<b>(1.798.088.972)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	Công ty con
Công ty TNHH Quản Lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Holdings	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Bình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phong	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Uyên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Ánh Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Hướng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Thái Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Thái Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty con
Công ty TNHH TK Cộng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE Digital	Công ty con
Công Ty TNHH Điện Gió REE Trà Vinh	Công ty con



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

*Bên liên quan*

*Mối quan hệ*

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Đầu tư khác

## Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức Doanh thu cho thuê Phí xây dựng	113.796.860.570 2.108.761.938 -	207.958.890.426 2.091.941.425 2.282.871.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp	Thu hồi khoản vay Lãi cho vay Doanh thu dịch vụ	50.000.000.000 1.979.452.054 77.653.184	- 3.155.693.152 109.271.533
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Thu hồi khoản vay Thu nhập lãi trái phiếu và lãi cho vay	33.000.000.000 20.879.386.301	- 35.599.122.469
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty con	Thu nhập cổ tức Phí quản lý	30.000.000.000 -	13.000.000.000 691.818.126
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý Doanh thu cho thuê Phí cung cấp dịch vụ Thu nhập cổ tức	23.723.838.129 12.526.530.867 88.986.482 -	26.697.622.366 15.319.079.952 61.815.975 9.650.184.514
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ Xây dựng nhà máy điện gió	5.626.128.109 - -	- 1.693.031.700

## Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Phí chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu	5.904.561.457	5.546.961.411
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu dịch vụ Doanh thu cho thuê	3.858.519.309 321.275.186	- -
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức Doanh thu cho thuê Phí xây dựng Phí khác	2.372.515.002 282.517.200 89.370.000 63.808.000	18.943.988.742 282.517.200 - -
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty con gián tiếp	Phí xây dựng Thu nhập điện mặt trời Doanh thu dịch vụ Phí chuyên gia	516.566.000 98.815.271 7.006.230 -	- - 89.108.266 36.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty con	Phí quản lý Phí cung cấp dịch vụ Doanh thu dịch vụ	504.000.000 49.911.922 -	- 397.280.385 56.442.099



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu cho thuê	351.151.932	352.735.647
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty con gián tiếp	Chi phí thuê	345.390.144	168.447.902
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	78.427.784	45.336.118
Công ty TNHH REE SE Holdings	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	22.482.061	-
Công ty TNHH REE Digital	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2.411.067	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thu nhập khác	-	1.389.128.693
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu quản lý	-	319.326.338
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	-	185.205.479
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty trong cùng Tập đoàn	Phí quản lý	-	85.893.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Phải thu phí chuyển nhượng quyền thương hiệu	3.221.413.118	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu cho thuê	193.509.393	539.999.460
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	155.384.460	155.384.460
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	65.501.945	-
Công ty TNHH REE SE Holdings	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	24.310.267	-
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	18.900.000	-
			<b>3.679.019.183</b>	<b>695.383.920</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp	Cho vay	50.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	33.000.000.000
			<b>50.000.000.000</b>	<b>133.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<i>VND</i>				
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí cung cấp dịch vụ cơ điện lạnh	<u>1.375.400.000</u>	<u>1.375.400.000</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Phải thu cổ tức	113.796.860.570	170.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi cho vay và trái phiếu	5.502.860.274	5.688.372.602
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Phải thu phí nhượng quyền thương hiệu	2.976.004.077	2.870.732.858
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.619.354.540	1.537.332.728
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi cho vay	630.136.986	3.717.123.287
			<u><b>125.525.216.447</b></u>	<u><b>183.813.561.475</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Trái phiếu dài hạn	<u>460.000.000.000</u>	<u>460.000.000.000</u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(14.247.607.917)	(6.294.803.637)
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty con gián tiếp	Phí dịch vụ	-	(91.300.347)
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	-	(75.201.000)
			<u>(14.247.607.917)</u>	<u>(6.461.304.984)</u>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	<u>(4.602.156.992)</u>	<u>(9.716.416.870)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>4.470.000.000</b>	<b>3.240.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	2.010.000.000	1.800.000.000
Ông Alain Xavier Cany	Phó chủ tịch	720.000.000	210.000.000
Ông Benjamin Herrenden Birks <i>(từ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2021)</i>	Phó chủ tịch	-	180.000.000
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	120.000.000	210.000.000
Ông Đặng Hồng Tân <i>(từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022)</i>	Thành viên	120.000.000	300.000.000
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	420.000.000	210.000.000
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	660.000.000	210.000.000
Ông Mark Andrew Hutchinson <i>(bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022)</i>	Thành viên	300.000.000	-
<b>Tiền lương của Ban Giám đốc</b>		<b>4.136.460.000</b>	<b>5.203.680.000</b>
Ông Huỳnh Thanh Hải	Tổng Giám đốc	1.800.000.000	1.800.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	1.092.000.000	1.092.000.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Phó Tổng Giám đốc	1.092.000.000	1.092.000.000
Ông Phạm Quốc Thắng <i>(miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2022)</i>	Phó Tổng Giám đốc	152.460.000	1.219.680.000
<b>Thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc</b>		<b>14.409.700.000</b>	<b>3.377.777.775</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>23.016.160.000</u></b>	<b><u>11.821.457.775</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC CAM KẾT**

**28.1 Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	535.521.669.933	478.770.515.486
Trên 1 – 5 năm	788.766.783.805	709.374.653.106
Trên 5 năm	167.452.269.750	194.665.087.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.491.740.723.488</u></b>	<b><u>1.382.810.256.032</u></b>

**28.2 Cam kết theo thỏa thuận bảo lãnh thanh toán**

Vào ngày 28 tháng 1 năm 2019, Công ty đã ký thỏa thuận với Credit Guarantee and Investment Facility (“CGIF”) – Một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Theo đó, CGIF đã phát hành bảo lãnh thanh toán cho các Chủ sở hữu của 2.318 trái phiếu (*Thuyết minh số 18.2*) được phát hành bởi Công ty và Công ty cam kết thanh toán khoản phí bảo lãnh là 1,40%/ năm trên tổng giá trị trái phiếu lưu hành trong vòng 10 năm kể từ ngày phát hành.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2021, Công ty đã ký thỏa thuận với International Finance Corporation (“IFC”) về việc thực hiện bảo lãnh thanh toán khoản vay cho Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (“TBW”) để thực hiện dự án Nhà máy Điện gió Phú Lạc 2 và dự án Nhà máy Điện gió Lợi Hải 2 giữa IFC và TBW. Ngoài ra, theo thỏa thuận cam kết bảo lãnh của Công ty sẽ được gỡ bỏ ngay khi TBW thanh toán 20% dư nợ vay tại IFC.

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

 Phạm Thị Ngọc Trang Người lập	 Hồ Trần Diệu Linh Kế toán trưởng	 Huỳnh Thanh Hải Tổng Giám đốc
---	--	---



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022